

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA  
PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3875/QĐ-TĐHYKPNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Chương trình đào tạo**  
**Ngành Tai Mũi Họng trình độ Tiến sĩ**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH**

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 06 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐT-TĐHYKPNT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;*

*Căn cứ biên bản họp Hội đồng Thẩm định Chương trình đào tạo ngành Tai Mũi Họng trình độ Tiến sĩ ngày 31 tháng 7 năm 2024;*

*Theo đề nghị Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học tại Tờ trình số 559/TTr-QLĐTSĐH ngày 24 tháng 9 năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành chương trình đào tạo ngành Tai Mũi Họng trình độ Tiến sĩ, mã ngành: 9720155. (đính kèm phụ lục)

**Điều 2.** Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2024 – 2025. Trong quá trình thực hiện, Khoa – Bộ môn có nhiệm vụ báo cáo, đề xuất các cập nhật, đánh giá

chương trình đào tạo để điều chỉnh cho phù hợp với thực tế nhu cầu chăm sóc sức khỏe.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học, Trưởng Khoa/Bộ môn và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- ĐU-HĐT;
- HT và các PHT;
- Lưu: VT, P.QLĐTSDH (Ng\_15b).

**HIỆU TRƯỞNG**

**(đã ký)**

**PGS. TS. BS. Nguyễn Thanh Hiệp**

**Phụ lục**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH TAI MŨI HỌNG TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3875/QĐ-TĐHYKPNT, ngày 04 tháng 10 năm 2024  
của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)*

**I. Thông tin chung Chương trình đào tạo**

- Mã ngành: 9720155
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Ngành đào tạo: Tai Mũi Họng (Otorhinolaryngology)
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Phương thức đào tạo: tổ chức đào tạo theo niên chế
- Hình thức tuyển sinh và môn thi tuyển: Theo quy định của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch được mô tả cụ thể trong Thông báo tuyển sinh Sau đại học hàng năm.

- Thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa:

+ 3 năm dành cho Nghiên cứu sinh có bằng Thạc sĩ ngành Tai Mũi Họng

+ 4 năm dành cho Nghiên cứu sinh chưa có bằng Thạc sĩ ngành Tai Mũi Họng

**II. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

PLO1: Chẩn đoán, xử trí và quản lý được các bệnh lý Tai Mũi Họng và các bệnh lý liên quan đến chuyên ngành nghiên cứu

PLO2: Thực hiện thành thạo một số thủ thuật Tai Mũi Họng nâng cao và áp dụng được kỹ thuật mới trong ngành Tai Mũi Họng

PLO3: Tổ chức và chủ trì các công trình nghiên cứu khoa học có tính mới và sáng tạo

PLO4: Phân tích và áp dụng được các bài báo, công trình khoa học trong nước và quốc tế thuộc ngành Tai Mũi Họng

PLO5: Có khả năng tự đào tạo liên tục để nâng cao năng lực chuyên môn và cải tiến chất lượng

PLO6: Có khả năng đào tạo, định hướng và dẫn dắt người khác trong lĩnh vực chuyên sâu của Tai Mũi Họng

PLO7: Tuân thủ và biện giải những tiêu chuẩn về y đức, các quy định hành nghề theo pháp luật hiện hành, duy trì các mối quan hệ với bệnh nhân, thân nhân và đồng nghiệp.

### **III. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

#### **3.1. Triết lý giáo dục của trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch**

“Giáo dục toàn diện – Hướng về cộng đồng – Lấy người học làm trung tâm”.

#### **3.2. Sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược của Trường**

- Sứ mạng: “Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng”.

- Tầm nhìn: “Phát triển thành một trong những Đại học khoa học sức khỏe hàng đầu trong cả nước, hội nhập quốc tế”.

- Chiến lược: Phát triển thành Trường Đại học sức khỏe hàng đầu trong nước. Có các chương trình đào tạo chất lượng cao, đạt chuẩn khu vực và quốc tế. Tăng cường nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, lấy người học làm trung tâm với đội ngũ giảng viên được phát triển. Quản trị đại học theo hình thức tiên tiến, dựa trên công nghệ 4.0. Đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo.

#### **3.3 Mục tiêu của chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành Tai Mũi Họng, có mục tiêu đào tạo được những bác sĩ có trình độ bậc 8 theo Khung trình độ quốc gia, cụ thể như sau:

- Người học có kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu, tiên tiến ở vị trí hàng đầu của chuyên ngành đào tạo.

- Người học có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.

- Người học có kỹ năng tư duy, nghiên cứu độc lập, độc đáo, sáng tạo tri thức mới.

- Người học có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia, quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.

- Người học thể hiện năng lực sáng tạo, có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, có khả năng đưa ra kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia.

### **IV. CHUẨN ĐẦU VÀO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **4.1 Chuẩn đầu vào**

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo tiến sĩ: Người học phải tốt nghiệp thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 ngành phù hợp hoặc tốt nghiệp hạng giỏi trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù

hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên); có năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu.

#### 4.2. Danh mục ngành phù hợp:

Ngành đúng: Thạc sĩ Tai Mũi Họng

Ngành phù hợp: Theo Quyết định số 910/QĐ-TĐHYKPNT ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc ban hành Danh mục ngành phù hợp với ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

4.3. Những ngoại ngữ được chấp nhận trong chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra: Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Nhật, Tiếng Nga

## V. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 5.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

5.1.1 Dành cho Nghiên cứu sinh có bằng Thạc sĩ Tai Mũi Họng: 90 tín chỉ

STT	KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP	SỐ TÍN CHỈ
1	<b>Học phần chung</b>	02 (2,2 %)
2	<b>Học phần ngành/ chuyên ngành</b>	
	Học phần bắt buộc	02 (2,2%)
	Học phần tự chọn	02 ( 2,2%)
3	<b>Chuyên đề Tiến sĩ và Tiểu luận tổng quan</b>	
	Chuyên đề tiến sĩ 1 và 2	04 (4,5%)
	Tiểu luận tổng quan	04 ( 4,5%)
4	<b>Khối kiến thức tốt nghiệp: Luận án</b>	76 (84,4%)
<b>Tổng cộng</b>		90 tín chỉ

## 5.1.2 Dành cho nghiên cứu sinh chưa có bằng Thạc sĩ Tai Mũi Họng: 120 tín chỉ

## A. Học phần bổ sung kiến thức: 30 tín chỉ

STT	KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP	SỐ TÍN CHỈ
1	<b>Học phần chuyên ngành</b> - Bắt buộc - Tự chọn	<b>18 (60%)</b> 10 (33,3%) 8( 26,7%)
2	<b>Chuyên đề nghiên cứu</b>	<b>12 (40%)</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>30</b>

## B. Học phần trình độ tiến sĩ: 90 tín chỉ

STT	KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP	SỐ TÍN CHỈ
1	<b>Học phần chung</b>	02 (2,2 %)
2	<b>Học phần ngành/ chuyên ngành</b> - Học phần bắt buộc - Học phần tự chọn	02 (2,2%) 02 ( 2,2%)
3	<b>Chuyên đề Tiến sĩ và Tiểu luận tổng quan</b> - Chuyên đề tiến sĩ 1 và 2 - Tiểu luận tổng quan	04 (4,5%) 04 ( 4,5%)
4	<b>Khối kiến thức tốt nghiệp: Luận án</b>	76 (84,4%)
<b>Tổng cộng</b>		90 tín chỉ

## 5.2. Cấu trúc chương trình chi tiết

## 5.2.1 Đối với Nghiên cứu sinh đã có bằng Thạc sĩ Tai Mũi Họng: 90 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng Tiếng Việt	Tên học phần bằng Tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Tiến trình		
					Lý thuyết	Thực hành	Năm 1	Năm 2	Năm 3
<b>I. HỌC PHẦN CHUNG (2 tín chỉ)</b>									
1	050000071A03	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao	Advanced Methodology of Scientific Research	2	2	0	X		

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng Tiếng Việt	Tên học phần bằng Tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Tiến trình		
					Lý thuyết	Thực hành	Năm 1	Năm 2	Năm 3
<b>II. HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH</b>									
HỌC PHẦN BẮT BUỘC (2 tín chỉ)									
2	050155053A01	Bệnh lý - Phẫu thuật mũi xoang nâng cao	Pathology of nasal cavity and sinuses - Advanced sinonasal surgery	2	1	1	X		
HỌC PHẦN TỰ CHỌN: Chọn 2 trong 8 tín chỉ									
3	050155053B01	Phẫu thuật chấn thương tai mũi họng	Surgery for otorhinolaryngology trauma	2	1	1	X		
4	050155053B02	Phẫu thuật tai	Ear surgery	2	1	1	X		
5	050155053B03	Phẫu thuật u đầu cổ	Head and neck tumor surgery	2	1	1	X		
6	050155053B04	Cấy ghép thiết bị trợ thính	Hearing implantation	2	1	1	X		
<b>III CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN</b>									
7	050155055A01	Chuyên đề 1	Seminar 1	2				X	
8	050155055A02	Chuyên đề 2	Seminar 2	2				X	
9	050155055A03	Tiểu luận tổng quan	Overview essay	4				X	
<b>IV LUẬN ÁN TIẾN SĨ</b>									
10	050155056A03	Luận án	Thesis	76			X	X	X
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>90</b>					

5.2.2 Đối với Nghiên cứu sinh chưa có bằng Thạc sĩ Tai Mũi Họng: 120 tín chỉ.

A. Học phần bổ sung trình độ Thạc sĩ: 30 tín chỉ (tiến trình thực hiện theo Kế hoạch học tập của Nghiên cứu sinh)

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng Tiếng Việt	Tên học phần bằng Tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ	
					Lý thuyết	Thực hành
<b>Học phần bắt buộc: (10 Tín chỉ)</b>						
1	040155053A01	Bệnh học tai	Pathology of the ear	3	1	2
2	040155053A02	Bệnh lý viêm và dị ứng mũi xoang	Inflammation and allergy of the nose and sinuses	2	1	1
3	040155053A03	Khối u mũi xoang	Sinonasal Tumors	2	1	1
4	040155053A04	Chấn thương tai mũi họng	Trauma in Otorhinolaryngology	3	1	2
<b>Học phần tự chọn (chọn 8 Tín chỉ trong 16 Tín chỉ)</b>						
7	040155053B01	Các phương pháp thăm dò tiền đình	Vestibular exploration	4	2	2
8	040155053B02	Thính học	Audiology	4	2	2
9	040155053B03	Hình ảnh học trong Tai Mũi Họng	Imaging in Otolaryngology	4	2	2
10	040155053B04	Tạo hình thẩm mỹ trong Tai Mũi Họng	Facial Plastic & Reconstructive Surgery - Otolaryngology	4	2	2
<b>Học phần Chuyên đề (12 tín chỉ)</b>						
11	040155054A01	Bệnh học họng, thanh quản	Pathology of the pharynx and larynx	4		
12	040155054A02	Tai mũi họng trẻ em	Pediatric Otorhinolaryngology	4		
13	040155054A03	U đầu mặt cổ	Head and neck Tumors	4		

B. Học phần trình độ Tiến sĩ: 90 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng Tiếng Việt	Tên học phần bằng Tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Tiến trình		
					Lý thuyết	Thực hành	Năm 1	Năm 2	Năm 3
<b>I. HỌC PHẦN CHUNG (2 tín chỉ)</b>									
1	050000071A03	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao	Advanced Methodology of Scientific Research	2	2	0	X		



TT	Mã học phần	Tên học phần bằng Tiếng Việt	Tên học phần bằng Tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Tiến trình		
					Lý thuyết	Thực hành	Năm 1	Năm 2	Năm 3
<b>II. HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH</b>									
HỌC PHẦN BẮT BUỘC (2 tín chỉ)									
2	050155053A01	Bệnh lý - Phẫu thuật mũi xoang nâng cao	Pathology of nasal cavity and sinuses - Advanced sinonasal surgery	2	1	1	X		
HỌC PHẦN TỰ CHỌN: Chọn 03 học phần (6 tín chỉ)									
3	050155053B01	Phẫu thuật chấn thương tai mũi họng	Surgery for otorhinolaryng ology trauma	2	1	1	X		
4	050155053B02	Phẫu thuật tai	Ear surgery	2	1	1	X		
5	050155053B03	Phẫu thuật u đầu cổ	Head and neck tumor surgery	2	1	1	X		
6	050155053B04	Cấy ghép thiết bị trợ thính	Hearing implantation	2	1	1	X		
<b>III CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN</b>									
7	050155055A01	Chuyên đề 1	Seminar 1	2				X	
8	050155055A02	Chuyên đề 2	Seminar 2	2				X	
9	050155055A03	Tiểu luận tổng quan	Overview essay	4				X	
<b>IV LUẬN ÁN TIẾN SĨ</b>									
10	050155056A03	Luận án	Thesis	76			X	X	X
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>90</b>					

## VI. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Tên học phần bằng tiếng Việt	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)						
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
1	Bệnh lý - Phẫu thuật mũi xoang nâng cao	5	5	1	2	4	2	3
2	Nghiên cứu khoa học nâng cao	1	1	5	5	4	4	3
3	Phẫu thuật chấn thương tai mũi họng	5	5	1	2	4	2	3
4	Phẫu thuật tai	5	5	1	2	4	2	3
5	Phẫu thuật u đầu cổ	5	5	1	2	4	2	3
6	Cây ghép thiết bị trợ thính	5	5	1	2	4	2	3
7	Chuyên đề 1	5	5	5	5	5	5	5
8	Chuyên đề 2	5	5	5	5	5	5	5
9	Tiểu luận tổng quan	5	5	5	5	5	5	5
10	Luận án tiến sĩ	5	5	5	5	5	5	5

1: Không đáp ứng

2: Ít đáp ứng

3: Đáp ứng trung bình

4: Đáp ứng nhiều

5: Đáp ứng rất nhiều

**VII. Tổ chức dạy học và phương pháp giảng dạy:** thể hiện ở Đề cương chi tiết từng học phần.

### 7.1. Tổ chức dạy học

Tổ chức dạy học trực tiếp: Bộ môn sẽ tổ chức dạy học trực tiếp hầu hết cho tất cả các học phần theo từng lớp học, theo thời khoá biểu của từng học kỳ. Trường có hệ thống phòng học đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng phục vụ cho hoạt động dạy và học. Bên cạnh đó hệ thống các cơ sở và thực hành tại các bệnh viện được trang bị nhiều thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy học, trong đó có nhiều thiết bị hiện đại và đạt chuẩn quốc tế.

Tổ chức dạy học trực tuyến: Trường có nguồn tài nguyên học liệu đa phương tiện trên nền tảng số cho tất cả các môn học/học phần của chương trình đào tạo, có các phòng học đa phương tiện, phòng ghi hình/ghi âm bài giảng phục vụ cho đào tạo trực tuyến. Trong cấu trúc từng học phần/môn học có phương án chuyển đổi giảng dạy theo hình thức kết hợp (blended-learning) với trọng số không quá 30% thời lượng được giảng dạy trên nền tảng số đảm bảo trong mọi tình huống thiên tai, dịch bệnh,... vẫn đáp ứng quy định, yêu cầu dạy và học một cách tốt nhất có thể.

## 7.2. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

Phương pháp dạy và học	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)						
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
Phương pháp thuyết giảng (Lecture) có lồng ghép dạy học tích cực (Active Learning)	x	x		x			x
Dạy học dựa trên nghiên cứu (research-based learning) Trình chuyên đề	x	x	x	x	x	x	x
Dạy học lâm sàng không có người bệnh - Thảo luận ca bệnh (Case based discussion)	x	x	x	x	x	x	x
Dạy học dựa trên vấn đề (Problem-based learning)	x	x	x	x	x	x	x

## 7.3 Học liệu:

- Tài liệu học tập chính: thể hiện ở Đề cương chi tiết từng học phần.
- Tài liệu tham khảo: thể hiện ở Đề cương chi tiết từng học phần.

**VIII Phương pháp kiểm tra đánh giá:** thể hiện ở Đề cương chi tiết từng học phần.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và chương trình đào tạo.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc

đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiên bộ của người học, cải tiến. Tùy thuộc từng học phần, việc đánh giá được áp dụng có thể nhiều hơn các hình thức trong bản mô tả chương trình đào tạo này.

### 7.1. Đánh giá quá trình

Đây là hoạt động thường xuyên, liên tục nhằm hỗ trợ người dạy và người học tự đánh giá, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong từng buổi học, làm cơ sở cho hoàn thành từng tín chỉ, học phần của chương trình đào tạo. Đánh giá quá trình bao gồm (1) Điểm chuyên cần (2) Điểm phẫu thuật (3) Trình chuyên đề

### 7.2. Đánh giá kết thúc học phần

Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)						
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
Thi trắc nghiệm lý thuyết - Trắc nghiệm nhiều lựa chọn	x	x					x
Thi phẫu thuật - Thi thực hành cấu trúc theo mục tiêu	x	x					x
Trình chuyên đề, tiểu luận tổng quan -Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x
Luận án tốt nghiệp -Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x

